

BẢN TIN VĂN BẢN

TÊN VĂN BẢN	NỘI DUNG	Trang
QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
Nghị định 47/2017/NĐ-CP	Quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức viên chức và lực lượng vũ trang	1
Thông tư số 53/2017/TT-BTC	Hướng dẫn chế độ kế toán hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1
Nghị định số 53/2017/NĐ-CP	Quy định về các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp Giấy phép xây dựng	2
Công văn số 1685/TCT-KK	Các vấn đề liên quan đến khôi phục MST của doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp	2
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG		
Thông tư số 31/2017/TT-BTC	Quản lý thời gian hoàn thuế GTGT	3
Công văn số 2535/TCHQ-TXNK	Hoàn thuế GTGT với hàng nhập khẩu	3
Quyết định số 710/QĐ-BTC	Triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết hoàn thuế GTGT bằng phương thức điện tử	4
Công văn số 1301/TCT-KK	Hoàn thuế GTGT đầu vào phát sinh trước 01/07/2016	4
Công văn số 1636/TCT0KK	Chính sách thuế GTGT với hàng hóa dịch vụ mua trả chậm	4
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP		
Công văn số 842/TCT-CS	Thu nhập phát sinh ngoài địa bàn thực hiện dự án	5
Công văn số 22860/CT-TTHT	Hàng tồn thất trong quá trình vận chuyển, được hạch toán phần không được bồi thường	5
Công văn số 1516/TCT-CS	Ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp xã hội hóa được thành lập do chuyển đổi loại hình	5

TÊN VĂN BẢN	NỘI DUNG	TRANG
THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN		
Công văn số 15088/CT-TTHT	Nhân viên được cử vào khu kinh tế làm việc được giảm thuế TNCN	6
Công văn số 1615/TCT-CS	Chiết khấu thương mại cho Đại lý nếu trả bằng tiền phải chịu thuế TNCN	6



CÁC VĂN BẢN VỀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngày 24/04/2017 Chính phủ ban hành Nghị định 47/2017/NĐ-CP về việc quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, theo đó:

Ngày 28/03/2017 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 24/2017/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, theo đó:

TĂNG LƯƠNG CƠ SỞ TỪ NGÀY 01/7/2017

Mức lương cơ sở sẽ tăng từ
1.210.000 đồng/tháng

lên thành

1.300.000 đồng/tháng



Từ ngày 01/07/2017, mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức từ Trung ương đến cấp huyện; cán bộ, công chức cấp xã; viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ và công nhân, viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc quân đội nhân dân Việt Nam; người làm việc trong tổ chức cơ yếu... sẽ chính thức tăng từ 1,21 triệu đồng/tháng lên 1,3 triệu đồng/tháng.

Mức lương cơ sở này được dùng làm căn cứ tính mức lương trong các bảng lương, mức phụ cấp; tính mức hoạt động phí, sinh hoạt phí; các khoản trích và các chế độ được hưởng theo mức lương cơ sở.

Nghị định này thay thế Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26/05/2016 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2017.

Tài khoản kế toán áp dụng cho hợp tác xã bao gồm loại tài khoản trong bảng (bao gồm các tài khoản từ loại 1 đến loại 6 và tài khoản loại 9) và loại tài khoản ngoài bảng (tài khoản loại 0); đối với các tài khoản trong bảng thì được hạch toán kép (nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào bên Nợ của ít nhất một tài khoản và hạch toán vào bên Có của ít nhất một tài khoản khác); với các tài khoản ngoài bảng thì được hạch toán đơn (nghiệp vụ kinh tế phát sinh chỉ hạch toán vào bên Nợ hoặc bên Có của một tài khoản, không hạch toán đối ứng với tài khoản khác).

Về chứng từ kế toán, Thông tư quy định, chứng từ kế toán phải được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời, chính xác, để kiểm tra, kiểm soát và đối chiếu. Hợp tác xã được chủ động xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán nhưng phải đảm bảo đầy đủ các nội dung chủ yếu của chứng từ kế toán quy định tại Luật Kế toán, phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị mình trừ khi pháp luật có quy định khác. Sổ kế toán phải ghi rõ tên hợp tác xã; tên sổ; ngày, tháng, năm lập sổ; ngày, tháng, năm khóa sổ; chữ ký của người lập sổ, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã; số trang; đóng dấu giáp lai.

Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2018.



THÔNG TƯ

24/2017/TT-BTC

**HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN
HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**

**áp dụng cho năm tài chính bắt đầu
hoặc sau ngày 01/01/2018**

CÁC VĂN BẢN VỀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngày 08/05/2017 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2017/NĐ-CP quy định về các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp Giấy phép xây dựng, theo đó:

Các giấy tờ hợp pháp xin cấp phép xây dựng theo Nghị định 53/2017



Trong số 12 loại giấy tờ hợp pháp để cấp Giấy phép xây dựng, đáng chú ý là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật Đất đai năm 1987, 1993, 2001, 2003; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản; Giấy tờ về đất đai trong trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01/07/2004 nhưng không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gồm Quyết định giao đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất và hợp đồng cho thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án cơ sử dụng đất)...

Đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông, phải có hợp đồng thuê đất được giao kết giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình đó. Trường hợp có công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất, phải có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của UBND cấp huyện.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/06/2017.

Theo Công văn số 1685/TCT-KK Tổng Cục Thuế ban hành ngày 27/03/2017 về việc khôi phục MST của doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp:

Trường hợp doanh nghiệp/chi nhánh đã đề nghị đóng MST để giải thể nhưng chưa gửi hồ sơ giải thể đến cơ quan ĐKKD dẫn đến tình trạng pháp lý trên Hệ thống ĐKDN vẫn là đang hoạt động, nếu nay muốn khôi phục MST thì nộp cho cơ quan thuế mẫu số 25/ĐK-TCT ban hành kèm Thông tư 95/2016/TT-BTC, trong đó cam kết "không có bất kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh nào sau thời gian đóng MST".

Cơ quan thuế sau khi nhận hồ sơ đề nghị khôi phục MST sẽ gửi thông báo đến cơ quan ĐKKD để yêu cầu doanh nghiệp/chi nhánh báo cáo và xử phạt vi phạm quy định về giải thể doanh nghiệp/chi nhánh theo Điều 36, Điều 37 Nghị định 50/2016/NĐ-CP. Sau khi xử



phạt, cơ quan thuế mới khôi phục MST cho doanh nghiệp/chi nhánh.

Đối với doanh nghiệp/chi nhánh không báo cáo theo đề nghị của cơ quan ĐKKD và cơ quan ĐKKD đã thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh thì không được khôi phục MST cũ và phải cấp lại MST mới.

Trường hợp khác, nếu doanh nghiệp/chi nhánh bị đóng MST do bỏ địa chỉ kinh doanh nhưng trên Hệ thống ĐKDN vẫn còn tình trạng đang hoạt động, nếu nay muốn khôi phục MST thì cơ quan thuế sẽ tiến hành truy thu toàn bộ nợ thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp (nếu có), đồng thời xác minh lại tình trạng hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh trước khi xem xét khôi phục MST.

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 18/04/2017 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 31/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 về Quản lý Hoàn



thuế GTGT, theo đó:

Thời hạn Kho bạc nhà nước chi tiền hoàn thuế cho người nộp thuế giảm từ 3 ngày xuống còn 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước/Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ khoản thu ngân sách nhà nước do cơ quan thuế chuyển đến (sửa đổi điểm c, khoản 2 Điều 19 của Thông tư số 99/2016).

Quy định Cơ quan thuế phải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về “Thời điểm Kho bạc Nhà nước chi hoàn thuế cho người nộp thuế.” (bổ sung tại khoản 2 Điều 20 Thông tư 99/2016).

Bổ sung trách nhiệm của cơ quan thuế cập nhật thông tin về giải quyết hoàn thuế tại Điều 18 TT 99/2016 như sau:

“Cục Thuế cập nhật, hạch toán đầy đủ các Quyết định hoàn thuế/Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ khoản thu NSNN vào Hệ thống ứng dụng quản lý thuế ngay trong ngày làm việc được ký ban hành.

Sau khi hạch toán Quyết định hoàn thuế/Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ các khoản thu NSNN, Cục Thuế luân chuyển Quyết định hoàn thuế/Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ các khoản thu NSNN và lệnh hoàn thuế/Lệnh hoàn thuế kiêm bù trừ khoản thu NSNN sang KBNN ngay trong ngày làm việc tiếp theo.”

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/06/2017.

Ngày 14/04/2017 Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 2535/TCHQ-TXNK về vướng mắc hoàn thuế GTGT.

Theo Công văn này, đối với các trường hợp có số tiền thuế GTGT nộp thừa khâu nhập khẩu như: nộp thuế hai lần cho một tờ khai; phải nộp thuế do nợ C/O nhưng sau đó đã bổ sung C/O và được chấp nhận cho hưởng thuế ưu đãi; đã nộp thuế nhưng sau đó hủy tờ khai; nộp thừa thuế do khai sai mã HS, thuế suất, trị giá tính thuế; xác định không đúng đối tượng chịu thuế nhưng sau đó đã được chấp nhận khai bổ sung thì số thuế GTGT nộp thừa sẽ được xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Thông tư 38/2015/TT-BTC.

Riêng các trường hợp vướng mắc về hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hiện nay Vụ Chính sách thuế đang nghiên cứu trình Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý và sẽ có văn bản hướng dẫn ngay sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính.

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 24/04/2017 Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 710/QĐ-BTC về việc triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết hoàn thuế GTGT bằng phương thức điện tử.

Theo Quyết định này, kể từ ngày 01/05/2017, hình thức hoàn thuế điện tử sẽ được triển khai tại tất cả 63 tỉnh, thành trên cả nước, thay vì hiện nay chỉ mới triển khai thí điểm tại 13 tỉnh, thành.

Hồ sơ được đề nghị hoàn thuế điện tử bao gồm các hồ sơ xin hoàn thuế GTGT của hàng hóa xuất khẩu và của dự án đầu tư.

Tuy nhiên, cần lưu ý, để được hoàn thuế điện tử, doanh nghiệp cần phải đăng ký và được cơ quan thuế chấp thuận thực hiện giao dịch điện tử theo quy định tại Thông tư 110/2015/TT-BTC .

Quy trình hoàn thuế điện tử thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 2790/QĐ-BTC ngày 27/12/2016.



Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Theo Công văn số 1301/TCT-KK Tổng Cục Thuế ban

hành ngày 07/04/2017 về việc hoàn thuế GTGT đầu vào phát sinh trước ngày 01/07/2016.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 373/TCT-KK ngày 06/02/2017, hàng hóa mua bán trong nước chỉ bị dừng hoàn thuế đối với số thuế GTGT đầu vào phát sinh từ ngày 01/07/2016, số thuế GTGT phát sinh trước đó vẫn được xét hoàn (nếu đủ điều kiện).

Tuy nhiên, trường hợp tại hồ sơ khai thuế kỳ tính thuế tháng 06/2016 hoặc quý 2/2016, doanh nghiệp không đề nghị hoàn số thuế GTGT lũy kế chưa khấu trừ hết, đồng thời đã kê khai khấu trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tính thuế tháng 07/2016 hoặc quý 3/2016 thì không được hoàn thuế mà chỉ được khấu trừ.

Theo Công văn số 1636/TCT-KK do Tổng Cục Thuế ban hành ngày 25/04/2017 về chính sách thuế GTGT đối với hàng hóa dịch vụ mua trả chậm.

Trường hợp doanh nghiệp phát sinh mua bán hàng hóa trả chậm được quy định trong hợp đồng mua bán có giá trị trên hai mươi triệu đồng, đến hạn thanh toán theo hợp đồng, người bán đã xuất hóa đơn, đã kê khai, nộp thuế đầu ra nhưng người mua chưa thanh toán thì hóa đơn đầu vào đã kê khai vẫn đủ điều kiện khấu trừ thuế GTGT.

Khi người mua thực hiện thanh toán nhưng không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng (thanh toán bằng tiền mặt) thì hóa đơn đầu vào đã kê khai không đủ điều kiện khấu trừ đầu vào. Doanh nghiệp phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đã được khấu trừ tương ứng với phần giá trị hàng hoá, dịch vụ không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng vào kỳ tính thuế phát sinh việc thanh toán thực tế.

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Công văn số 842/TCT-CS Tổng Cục Thuế ban hành ngày 14/03/2017 về chính sách thuế TNDN. Theo đó:

Quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư 96/2015/TT-BTC, đối với dự án đầu tư hưởng ưu đãi thuế theo điều kiện về địa bàn thì thu nhập được hưởng ưu đãi là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động SXKD trên địa bàn ưu đãi đó, chỉ trừ các khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn, khai thác dầu khí, khoáng sản và kinh doanh dịch vụ chịu thuế TTĐB.

Trường hợp dự án này còn phát sinh thu nhập ở ngoài địa bàn thực hiện dự án, nếu đây cũng là địa bàn ưu đãi thuế thì khoản thu nhập phát sinh thêm cũng được hưởng ưu đãi. Ngược lại, nếu địa bàn phát sinh thu nhập không thuộc địa bàn ưu đãi thì khoản thu nhập đó không được ưu đãi thuế.

Theo Công văn số 22860/CT-TTHT Cục Thuế Hà Nội ban hành ngày 24/04/2017 về chính sách thuế:

Trường hợp Công ty thuê đơn vị chuyển phát nhanh vận chuyển lô hàng cho Chi nhánh ở ngoài tỉnh, nhưng lô hàng bị thất lạc trong quá trình vận chuyển và đơn vị chuyển phát đã bồi thường một phần giá trị lô hàng thì Công ty vẫn được khấu trừ thuế GTGT không được bồi thường của lô hàng bị thất lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư 219/2013/TT-BTC.

Phần giá trị tổn thất của lô hàng bị thất lạc không được bồi thường nêu trên đồng thời cũng được hạch toán vào

chi phí hợp lý, nếu đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2.1 Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC.



Theo Công văn số 1516/TCT-CS do Tổng Cục Thuế ban hành ngày 20/04/2017 về chính sách thuế TNDN:

Quy định tại khoản 19 Điều 1 Nghị định 12/2015/NĐ-CP và khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2015/TT-BTC, trường hợp Công ty hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa được thành lập do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, nếu đáp ứng đủ điều kiện thuộc danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn về lĩnh vực xã hội hóa ban hành kèm Quyết định 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 và Quyết định 693/QĐ-TTg ngày 6/5/2013 mà doanh nghiệp trước chuyển đổi chưa được hưởng ưu đãi thuế theo lĩnh vực ưu đãi thì Công ty được hưởng ưu đãi thuế như dự án đầu tư mới kể từ khi chuyển đổi.

Mức ưu đãi thuế cụ thể như sau: thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động (khoản 3 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC), miễn thuế 4 năm và giảm 50% thuế trong 5 năm tiếp theo (khoản 2 Điều 20 Thông tư 78/2014/TT-BTC).

CÁC VĂN BẢN VỀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Theo Công văn số 15088/CT-TTHT do Cục Thuế Hà Nội ban hành ngày 05/04/2017 về chính sách thuế:

Quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư 128/2014/TT-BTC, những người ký HĐLĐ với doanh nghiệp ở ngoài Khu kinh tế nhưng được cử vào Khu kinh tế để thực hiện các hợp đồng kinh tế cho các tổ chức, cá nhân hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trong Khu kinh tế thì cũng được xét giảm thuế TNCN.

Theo đó, trường hợp Công ty đóng trụ sở ngoài Khu kinh tế nhưng có cử nhân viên vào Khu kinh tế để thực hiện hợp đồng lắp đặt giàn giáo cho nhà thầu ở đây, nếu nhà thầu này là tổ chức có hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trong Khu kinh tế thì những nhân viên này được xét giảm thuế TNCN.

Mức giảm thuế TNCN cho người làm việc trong Khu kinh tế được xác định theo hướng dẫn tại Điều 3 Thông tư 128/2014/TT-BTC.

Theo Thông tư số 128/2014/TT-BTC, người lao động (kể cả lao động nước ngoài) nếu có hợp đồng lao động với doanh nghiệp đóng trong Khu Kinh tế hoặc ngoài Khu

kinh tế nhưng được cử đến đây làm việc thì được giảm 50% số thuế TNCN.

Việc giảm 50% thuế TNCN được áp dụng ngay cho số thuế tạm nộp phát sinh trong tháng, quý hoặc từng lần phát sinh.

Một cá nhân nếu có thu nhập cùng lúc ở trong và ngoài Khu kinh tế thì phần thu nhập phát sinh trong Khu kinh tế vẫn được giảm.

Những người thuộc diện được giảm 50% thuế TNCN theo Thông tư này phải tự quyết toán thuế TNCN.

Theo Công văn số 1615/TCT-CS Tổng Cục Thuế ban hành ngày 25/04/2017 về việc lập hóa đơn.:

Trường hợp doanh nghiệp có chi trả cho đại lý các khoản chiết khấu thương mại bằng tiền (tức không giảm trừ trực tiếp trên hóa đơn) thì phải khấu trừ thuế TNCN.

Trường hợp khi bán hàng hóa cho người tiêu dùng, doanh nghiệp có thực hiện khuyến mại theo quy định của pháp luật thương mại hoặc chiết khấu thương mại thì việc lập hóa đơn và tính thuế GTGT thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 22 Điều 7 Thông tư 219/2013/TT-BTC,



Bản thông tin cập nhật văn bản hàng tháng này được cung cấp cho khách hàng và toàn bộ nhân viên của ASA. Nội dung của bản cập nhật chỉ có tính chất tham khảo. Người đọc cần liên hệ với chuyên viên tư vấn trước khi sử dụng bất cứ thông tin nào trong bản tin.



THÔNG TIN LIÊN HỆ

BAN TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ KH:

Ông: Đỗ Quốc Việt

Phó Tổng Giám đốc

Tel: 0919 858 626

Email: vietdq.audit@gmail.com

Ông: Nguyễn Duy Trung

Phó Tổng Giám Đốc

Tel: 0982 565 703

Email: duytrung103@gmail.com

Ông: Phạm Văn Biện

Phó Tổng Giám Đốc

Tel: 0943 388 828

Email: phamvanbien2807@gmail.com

Bà: Trương Thị Hải Vân

Phó Giám đốc

Tel: 0904 787 763

Email: vantth@asa-audit.com

VĂN PHÒNG:

P1107, tòa 262 Nguyễn Huy Tưởng,

Thanh Xuân, Hà Nội

Phone: 04 3858 1122

Fax: 04 3858 5533

Email: kiemtoanasa@gmail.com

Website: www.asa-audit.com

Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á (ASA) là một tổ chức tư vấn hợp pháp chuyên ngành Kiểm toán - Kế toán - Thuế - Tài chính, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Giấy phép số 0102000577, cấp ngày 24 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Nguyên tắc hoạt động

"Độc lập, khách quan và bí mật nghề nghiệp"

Phương châm hoạt động

"Uy tín và chất lượng là tiêu chí khẳng định thương hiệu ASA"

Slogan

"Hướng tới sự phát triển bền vững"

Cam kết dịch vụ

ASA đã và đang thực hiện cung cấp các dịch vụ kiểm toán và tư vấn cho hàng trăm khách hàng hoạt động trên phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam thuộc nhiều lĩnh vực hoạt động. Với sự am hiểu về hệ thống luật pháp của Việt Nam cùng với thái độ làm việc nghiêm túc và sự hiểu biết sâu sắc về đặc điểm hoạt động kinh doanh của mỗi khách hàng, ASA cam kết sẽ mang đến những dịch vụ tốt nhất.

Nhân sự ASA

Đội ngũ nhận sự với phong cách chuyên nghiệp, có chiều sâu về kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp, được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, tốt nghiệp đại học và sau đại học chuyên ngành về kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh tế xây dựng và luật học.